

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com  
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI  
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDCB**

|                      |                                      |                |          |
|----------------------|--------------------------------------|----------------|----------|
| <b>TÊN HỌC PHẦN:</b> | <b>THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG 1</b> | <b>HỌC KỲ</b>  | <b>1</b> |
| <b>MÃ HỌC PHẦN :</b> | <b>PHY - 101</b>                     | <b>TÍN CHỈ</b> | <b>1</b> |

| STT | MSV       | Họ và tên    |        | Lớp     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%) |   |   |   |     |   |   |   |    |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |  | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------|--------|---------|----------------------------|---|---|---|-----|---|---|---|----|-----|---------------|--|---------|
|     |           |              |        |         | A                          | P | Q | H | L   | M | I | G | F  | SỐ  | CHỮ           |  |         |
|     |           |              |        |         | 20                         |   |   |   | 25  |   |   |   | 55 | 100 |               |  |         |
| 1   | 168222769 | HỒ XUÂN      | ANH    | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 7   |   |   |   | 6  | 7.1 | Báý pháp Mắti |  |         |
| 2   | 168222770 | TRỊNH QUANG  | BỘ     | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 7   |   |   |   | 6  | 7.1 | Báý pháp Mắti |  |         |
| 3   | 168222771 | HỒ THANH     | CAO    | T16XDCB | 6                          |   |   |   | 5   |   |   |   | 5  | 5.2 | Nằm pháp Hai  |  |         |
| 4   | 168222772 | BÙI LỘNG     | CHƯƠNG | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 7   |   |   |   | 5  | 6.5 | Sầu pháp Nằm  |  |         |
| 5   | 168222773 | PHẠM VĂN     | ĐẠI    | T16XDCB | 7                          |   |   |   | 7   |   |   |   | 7  | 7.0 | Báý           |  |         |
| 6   | 168222774 | TRẦN ĐÌNH    | ĐÌNH   | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 7  | 7.5 | Báý pháp Nằm  |  |         |
| 7   | 168222775 | NGUYỄN HÒA   | ĐÔNG   | T16XDCB | 7                          |   |   |   | 4   |   |   |   | 7  | 6.3 | Sầu pháp Ba   |  |         |
| 8   | 168222776 | NGUYỄN ĐÌNH  | HOÀN   | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 5  | 6.4 | Sầu pháp Bắú  |  |         |
| 9   | 168222777 | HỒ SỸ        | HÙNG   | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 7   |   |   |   | 4  | 6.0 | Sầu           |  |         |
| 10  | 168222778 | DƯƠNG CÔNG   | LÝ     | T16XDCB | 7                          |   |   |   | 4   |   |   |   | 5  | 5.2 | Nằm pháp Hai  |  |         |
| 11  | 168222779 | PHAN VĂN     | MINH   | T16XDCB | 7                          |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 7  | 6.9 | Sầu pháp Chền |  |         |
| 12  | 168222780 | LÊ ĐỨC       | NAM    | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 7  | 7.5 | Báý pháp Nằm  |  |         |
| 13  | 168222781 | LƯU MINH     | NGẠN   | T16XDCB | 7                          |   |   |   | 4   |   |   |   | 7  | 6.3 | Sầu pháp Ba   |  |         |
| 14  | 168222782 | PHẠM VĂN     | TẶNG   | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 5  | 6.4 | Sầu pháp Bắú  |  |         |
| 15  | 168222783 | MAI THANH    | THÁI   | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 7  | 7.5 | Báý pháp Nằm  |  |         |
| 16  | 168222784 | TRẦN CÔNG    | THẮNG  | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 7   |   |   |   | 5  | 6.5 | Sầu pháp Nằm  |  |         |
| 17  | 168222785 | LÊ TẤN       | THANH  | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 6  | 6.9 | Sầu pháp Chền |  |         |
| 18  | 168222786 | NGUYỄN THÀNH | THIỆP  | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 7  | 7.5 | Báý pháp Nằm  |  |         |
| 19  | 168222787 | LÊ MẬU       | THÌNH  | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 6.5 |   |   |   | 6  | 6.9 | Sầu pháp Chền |  |         |
| 20  | 168222788 | TRẦN VĂN     | TUẤN   | T16XDCB | 5                          |   |   |   | 0   |   |   |   | V  | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 21  | 168222789 | HỒ VĂN       | TUỆ    | T16XDCB | 0                          |   |   |   | 0   |   |   |   | V  | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 22  | 168222790 | NGUYỄN VĂN   | TUYỀN  | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 7   |   |   |   | 5  | 6.5 | Sầu pháp Nằm  |  |         |
| 23  | 168222791 | PHAN QUỐC    | VIỆT   | T16XDCB | 7                          |   |   |   | 7   |   |   |   | 7  | 7.0 | Báý           |  |         |
| 24  | 168222792 | VÕ QUANG     | VINH   | T16XDCB | 10                         |   |   |   | 7   |   |   |   | 5  | 6.5 | Sầu pháp Nằm  |  |         |
| 1   | 0021      | ĐẶNG XUÂN    | HÒA    | C16XCD  | 10                         |   |   |   | 7   |   |   |   | 5  | 6.5 | Sầu pháp Nằm  |  |         |
| 2   | 0317      | ĐƯƠNG TẤN    | LĨNH   | T14XDC  | 7                          |   |   |   | 6   |   |   |   | 6  | 6.2 | Sầu pháp Hai  |  |         |

## BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT                | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL        | TỶ LỆ       | GHI CHÚ |
|--------------------|-------------------|-----------|-------------|---------|
| 1                  | Số sinh viên đạt  | 24        | 92%         |         |
| 2                  | Số sinh viên nợ   | 2         | 8%          |         |
| <b>TỔNG CỘNG :</b> |                   | <b>26</b> | <b>100%</b> |         |

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2011

## LẬP BẢNG

**KIỂM TRA**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO KHOA**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**PHÒNG ĐÀO TẠO**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Kim Đức**

**Trương Văn Tâm**

**ThS. Nguyễn Quốc Lâm**

**ThS. Nguyễn Hữu Phú**